

Bản án số: 83/2024/ST-HNGĐ
Ngày 26 tháng 6 năm 2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Đặng H Sâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T** – Sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn 3, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Chu Anh Q** – Sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn 3, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Ông Chu Văn B – Sinh năm: 1949 (Bố đẻ của anh Chu Anh Q) - Trú tại: Thôn 3, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T vắng mặt. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T trình bày:*

Chị Lê Thị T và anh Chu Anh Q kết hôn năm 2008, có Đ ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Đ ký kết hôn số 47 ngày 19/11/2008 trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Tuy nhiên, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ

cuối năm 2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau vì không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Chu Hải Đ – Sinh ngày: 03/6/2008, Chu Anh M – Sinh ngày: 06/06/2012 và Chu Thị Khánh H – Sinh ngày: 26/5/2017. Từ khi ly thân đến nay các con ở với chị T, nay ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả ba con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Chu Anh Q vắng mặt nhưng thông qua ông Chu Văn B là bố đẻ của anh Q, thì anh Q có ý kiến như sau:

Anh Q đồng ý ly hôn với chị T do vợ chồng không còn tình cảm với nhau; Về nuôi con chung: Anh Q đồng ý để chị T nuôi cả 03 con; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh Q đi làm ăn xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Q.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Chu Hải Đ và cháu Chu Anh M trình bày: Nay bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Lê Thị T vì các cháu ở với mẹ từ nhỏ đến bây giờ, còn bố thường xuyên đi xa, ít ở bên cạnh chăm sóc các cháu.

- Tại phiên tòa, người làm chứng ông Chu Văn B vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông B đã trình bày:

Anh Chu Anh Q là con trai ông B, còn chị T là con dâu. Anh Q và chị T kết hôn với nhau vào năm 2008, Đ ký kết hôn tại UBND xã Tào Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau và sinh được 03 người con. Sau một thời gian, vợ chồng mâu thuẫn và hiện nay sống ly thân. Bản thân anh Q và gia đình đều mong muốn chị T quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, tuy nhiên nếu chị T vẫn muốn ly hôn thì anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Q biết vì anh Q và chị T có liên lạc và trao đổi về việc ly hôn và sau khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trong vụ án, ông B đều báo lại cho anh Q biết. Tuy nhiên, do anh Q đang đi làm ăn xa, không thể kịp thời có mặt để giải quyết ly hôn được. Nên anh Q có ý kiến là: Đồng ý ly hôn với chị T do vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Về nuôi con chung: Anh Q đồng ý để chị T nuôi con vì anh Q đang đi làm ăn xa không có điều kiện để chăm sóc con. Anh Q đề nghị được tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Quá trình vợ chồng chung sống với nhau không tạo lập được tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông Chu Văn B trình bày vợ chồng chị Lê Thị T và anh Chu Anh Q đã vay của ông B số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông B không yêu cầu vợ chồng chị T và anh Q trả mà ông B cho vợ chồng số tiền này để vợ chồng nuôi con, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng Q và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải, xét xử và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Chu Anh Q; Về nuôi con chung: Giao con chung là Chu Hải Đ, Chu Anh M và Chu Thị Khánh H cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Chu Anh Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị T và anh Chu Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm Q giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm Q của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án xác định, bị đơn là anh Chu Anh Q có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn yêu cầu không hòa giải và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An không tiến hành hòa giải và tiến hành giải quyết vắng mặt chị T. Đối với bị đơn anh Chu Anh Q, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Q vẫn vắng mặt và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Chu Anh Q kết hôn với nhau vào năm 2008, có Đ ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 03 con chung, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hòa giải được. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị T và anh Q đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Trong quá trình sống ly thân, giữa chị Lê Thị T và anh Chu Anh Q không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh Q đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu cho anh Q nhưng anh Q vẫn không về giải quyết. Tuy nhiên, thông qua ông Chu Văn B là bố đẻ của anh Q thì anh Q đã có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, có căn cứ Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị T và anh Q đã sống ly thân nhiều năm, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh Q là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Lê Thị T và anh Chu Anh Q có 03 con chung là Chu Hải Đ – Sinh ngày: 03/6/2008, Chu Anh M – Sinh ngày: 06/6/2012 và Chu Thị Khánh H – Sinh ngày: 26/5/2017. Do từ khi vợ chồng chị T và anh Q sống ly thân, các con ở cùng với chị T, nay ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả 3 con và anh Q cũng đồng ý để chị T nuôi cả 3 con. Nên cần chấp nhận ý kiến của các đương sự giao 3 con Chu Hải Đ, Chu Anh M và Chu Thị Khánh H cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị T, ý kiến của anh Q và nguyện vọng của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị T và anh Chu Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Chu Anh Q.

* **Về nuôi con chung:** Giao con chung là Chu Hải Đ – Sinh ngày: 06/6/2008, Chu Anh M – Sinh ngày: 06/6/2012 và Chu Thị Khánh H – Sinh ngày: 26/5/2017 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

* **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Chu Anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* **Về án phí:** Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0007781 ngày 06/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

* **Về Q kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có Q kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

